

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DSPT.

Ngày: 25-4-2022

V/ v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Ông Hoàng Quý Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 20 tháng 4 năm 2022 và ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLPT-DS ngày 09/11/2021 về tranh chấp di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐ - PT ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị P, sinh năm 1934;

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trịnh Xuân Đ,** sinh năm 1973;

Trú tại: Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1965;

Trú tại: Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Trịnh Thị Kiều T, sinh năm 1993; (Con gái bà D)

Trú tại: Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3.2 Trường Tiểu học và THCS Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Bảo Tr1 – Chức vụ: Hiệu Trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc D1- Chức vụ: Phó hiệu trưởng.

(Có mặt tại phiên tòa)

3.3 UBND xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn G – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.4 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn M – Chức vụ: Trưởng ban QLDA.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Bà Trần Thị D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị P và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của ông Trịnh Văn H (ông H sinh năm 1966, chết năm 1997). Bố đẻ của ông H là cụ Trịnh Xuân Đ1 (chết năm 1991). Ông H có vợ là bà Trần Thị D có 02 con đẻ là anh Trịnh Xuân K (anh K chết năm 2008, không có vợ, con) và chị Trịnh Thị Kiều T sinh năm 1993. Ông H không có bố mẹ nuôi, con riêng hay con nuôi nào khác. Ông H chết không để lại di chúc. Tài sản chung của vợ chồng ông H, bà D gồm có:

* Về đất: Có 04 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 1994, đứng tên ông Trịnh Văn H gồm:

+ Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 41, diện tích 748,2m² (trong đó có 360m² đất ở và 388,2m² đất trồng cây lâu năm);

+ Thửa đất số 8a, tờ bản đồ số 16, diện tích 940m² (nay là thửa số 276, tờ bản đồ số 40, diện tích đo thực tế 892,2m² đất LUK);

+ Thửa đất số 4c, tờ bản đồ số 16, diện tích 720m² đất LM (nay là thửa số 255, tờ bản đồ số 41, diện tích đo thực tế 727,9m² đất LUK);

+ Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 19, diện tích 200m² đất LM (nay là thửa 227, tờ bản đồ số 40, diện tích đo thực tế 193,8m² đất ĐM).

Ngoài GCNQSD đất có 03 thửa đất chưa được cấp GCNQSDĐ đứng tên bà Trần Thị D trong sổ địa chính xã Hóa T, gồm:

+ Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 35, diện tích 808,7m² đất CLN;

+ Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 42, diện tích 813m² đất RSX;

+ Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 42, diện tích 79,2m² đất CLN (thửa đất này giáp với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 41).

Vị trí các thửa đất nêu trên tại xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H.

* Về Tài sản trên đất: Trên thửa đất số 09 tờ bản đồ số 41 có: 02 ngôi nhà cấp 4 (01 ngôi nhà có diện tích xây dựng 60,75m² và công trình phụ; 01 ngôi nhà có diện tích xây dựng 28m² và công trình phụ);

04 cây vải thiều (02 cây đường kính từ 12 đến 15 cm, 02 cây đường kính từ 22 đến 25 cm); 04 cây nhãn (01 cây đường kính 35cm, 01 cây đường kính 22 đến 25 cm, 02 cây đường kính từ 18 đến 22 cm); 05 cây mít (03 cây có đường kính từ 22 đến 25 cm, 02 cây đường kính từ 8 đến 20 cm); 01 cây na và 01 cây ổi.

Nay cụ Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất của ông H trong khối tài sản chung với bà D theo quy định của pháp luật. Đối với các tài sản trên đất là nhà, bếp công trình phụ của ông H, cụ P không yêu cầu chia. Cây trồng trên phần đất của ai được chia sử dụng thì người đó được sử dụng.

Bị đơn Trần Thị D trình bày:

Bà và ông Trịnh Văn H kết hôn năm 1988, có 02 con chung là Trịnh Xuân K (chết năm 2008, không có vợ, con) và Trịnh Thị Kiều T sinh năm 1993. Năm 1997 ông H chết không để lại di chúc.

Trong 07 thửa đất cụ P yêu cầu Tòa án chia thừa kế bà thừa nhận có 7 thửa như cụ P yêu cầu, Trong đó:

- Có 06 thửa đất được Hợp tác xã Hóa T, huyện Đồng H chia cho sử dụng từ năm 1989, trong 6 thửa thì có 4 thửa đất đã được UBND huyện Đồng H đã cấp GCNQSD đất năm 1994, đứng tên ông Trịnh Văn H là: Thửa số 9, tờ bản đồ số 41, diện tích 748,2m² (trong đó có 360m² đất ở và 388,2m² đất trồng cây lâu năm); Thửa số 276, tờ bản đồ số 40, diện tích 892,2m² đất lúa; Thửa số 255, tờ bản đồ số 41, diện tích 727,9m² đất lúa; Thửa đất số 227, tờ bản đồ số 40, diện tích 193,8m² đất trồng cây lâu năm.

- 02 (Hai) thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất là: Thửa số 202, diện tích 808,7m² đất CLN và Thửa số 285, tờ bản đồ số 42, diện tích 813m² đất RSX.

- 01(Một) thửa đất vợ chồng mua của bà Thi Lý (bà Lý đã chết, ông Thi đã đi khỏi địa phương từ năm 1990 nay không rõ địa chỉ) chưa được cấp GCNQSD đất là thửa đất số 26, tờ bản đồ số 42 diện tích 79,2m² đất CLN.

Riêng thửa đất số 9, tờ bản đồ số 41, diện tích 748,2m² (trong đó có 360m² đất ở và 388,2m² đất trồng cây lâu năm), khi còn sống ông H đã bán 350m² đất ở cho vợ chồng ông Phạm Văn Long và bà Trần Thị Nhung với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để trả tiền chơi “đề”, năm 1999 bà chuộc lại diện tích đất này và làm 01 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ như hiện nay đang quản lý sử dụng, đây là tài sản riêng của bà.

Năm 2010 bà đi ra UBND xã Hóa T, huyện Đồng H làm thủ tục cấp đổi GCNQSD đất, UBND xã Hóa T yêu cầu gia đình bà phải làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế, cụ P có cam kết phần đất cụ được thừa kế cụ cho cháu Trịnh Thị Kiều T để thờ cúng bố và anh trai, không được bán, trao đổi hoặc chuyển nhượng cho bất cứ ai. Bà vẫn thực hiện bản cam kết đó, việc cụ P đã cho cháu Tr đất thì cụ P không có quyền đòi lại, do đó bà không chấp nhận nội dung khởi kiện của cụ P về việc chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trịnh Thị Kiều T thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị D, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị P vì cụ P đã cho chị phần đất cụ được thừa kế của ông H.

Trường Tiểu học và THCS Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên. Người Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc D1- Chức vụ: Phó hiệu trưởng trình bày:

Năm 2018 Trường Tiểu học và THCS Hóa T, huyện Đồng H được sáp nhập theo Quyết định số 3344/QĐ-UBND Ngày 17/8/2018 của UBND huyện Đồng H. Khi đó

nhà trường nhận dự án xây dựng do Ban quản lý các dự án huyện Đồng H làm chủ đầu tư, UBND xã Hóa T giao mặt bằng cho đơn vị thi công theo cọc mốc đã xác định. Trong quá trình thi công, mức đất đơn vị thi công làm mất cọc mốc ranh giới nên bà D cho rằng nhà trường đào móng bờ rào lấn sang phần đất của bà D nên cản trở không cho xây dựng, UBND xã đã nhiều lần làm việc với bà D nhưng bà D không nhất trí đến nay 1 phần hạng mục của nhà trường còn dang dở. Tất cả các công trình thi công dự án, nhà trường được thụ hưởng dưới hình thức chìa khóa trao tay.

Vị trí đất của nhà trường là thửa 88 tờ bản đồ số 42 có diện tích 5.094,0 m² mục đích sử dụng: Đất cơ sở giáo dục đào tạo, đã có GCNQSD đất do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/01/2014. Tiếp giáp với phía đông thửa đất số 285 của bà Trần Thị D.

Trong GCNQSD đất của nhà trường phía Tây giáp thửa đất số 285 của bà D (theo vị trí đất của bà D là phía đông) thì thể hiện là đường thẳng chứ không giống như thể hiện trên bản đồ hiện trạng (lấn sang đất của nhà trường có đoạn từ điểm số 6,7,8 = 40,2 m² và đoạn từ điểm số 2,3,4,5 = 7,2 m²). Đoạn từ điểm số 5 đến 6 thể hiện đất nhà trường lấn sang đất RSX của bà D 3,2 m²; đoạn từ điểm số 9 đến điểm số 10 có diện tích là 14,2 m².

Quan điểm của nhà trường là không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Theo bản trích đo thửa 285 thì đoạn từ điểm số 2,3,4,5 có diện tích 7,2 m² và đoạn từ điểm số 6,7,8 có diện tích 40,2 m² là phần đất của bà D đã lấn sang đất của nhà trường nhưng nhà trường đã xây bờ kè hàng rào cao và kiên cố rồi thì không yêu cầu bà D phải trả đất còn đối với đoạn hàng rào từ điểm số 5 đến điểm số 6 có diện tích 3,2 m²; đoạn từ điểm số 9 đến điểm số 10 có diện tích là 14,2 m² lấn sang thửa đất số 285 của bà D thì nhà trường đề nghị được xây dựng thẳng theo ranh giới ghi trong GCNQSD đất. Tổng diện tích đất của nhà trường bị bà D lấn là 47,4 m². Diện tích đất của nhà trường lấn sang thửa đất số 285 của bà D là 17,4 m². Như vậy Diện tích đất của bà D lấn sang đất của nhà Trường là: 47,4 m² - 17,4 m² = 30 m². Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

UBND xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên, Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn G trình bày:

Trong toàn bộ diện tích đất tranh chấp về thừa kế QSD đất giữa bà Nguyễn Thị P và bà Trần Thị D, có thửa đất số 285 tờ bản đồ số 42 diện tích 943 m² do bà D đang quản lý tiếp giáp với đất của Trường Tiểu học và THCS Hóa T, huyện Đồng H, liên quan đến dự án xây dựng trường (phần xây lấp bờ rào). Năm 2018 xã Hóa T đón nhận dự án xây dựng Trường Tiểu học và THCS Hóa T do Ban quản lý dự án huyện làm chủ đầu tư, trong quá trình thi công đơn vị thi công làm mất cọc ranh giới nên bà D cho rằng mức sang đất của bà D và cản trở không cho xây dựng.

Hiện nay Tòa án nhân dân huyện Đồng H đang giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế giữa bà Nguyễn Thị P và bà Trần Thị D liên quan đến thửa 285 tờ bản đồ số 42, UBND xã Hóa T đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm để nhà trường được tiếp tục thi

công phần hạng mục công trình tường rào của nhà trường để đảm bảo an toàn cho học sinh và tạo khuôn viên cảnh quan chung của nhà trường cũng như hoàn thiện đạt trường chuẩn mức độ 2.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên, Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn M trình bày:

Năm 2017 và năm 2019 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng H được UBND huyện giao làm đại diện chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình: Trường tiểu học và trung học cơ sở Hóa T, cụ thể các hạng mục công trình được đầu tư như sau:

1. Công trình Trường THCS Hóa T được phê duyệt tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên với quy mô đầu tư gồm các hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, nhà vệ sinh học sinh, nhà để xe, nhà bảo vệ.

2. Công trình Nhà hiệu bộ, nhà đa năng trường tiểu học và trung học cơ sở Hóa T được phê duyệt tại Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND huyện Đồng H với quy mô đầu tư gồm các hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà đa năng.

Với vai trò chức năng của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng H là thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng, để công trình thi công đảm bảo về chất lượng, tiến độ và mọi công việc trong quá trình thực hiện dự án từ khi bắt đầu được UBND huyện giao nhiệm vụ thực hiện đến khi dự án bàn giao đưa vào sử dụng. Việc xác định ranh giới diện tích sử dụng đất của nhà trường và bàn giao mặt bằng thi công thuộc trách nhiệm của UBND xã và nhà trường. Từ thời điểm khảo sát thiết kế đến trước khi khởi công công trình, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đã được nhà trường bàn giao mặt bằng để làm cơ sở triển khai thi công (Có biên bản bàn giao mặt bằng và định vị công trình trước khi thi công kèm theo).

Theo nội dung quy mô đầu tư và quá trình triển khai thi công thực tế thì vị trí giải quyết tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn cụ Nguyễn Thị P với bị đơn bà Trần Thị D có đất tiếp giáp với Trường tiểu học và Trung học cơ sở Hóa T (Vị trí hàng rào từ nhà vệ sinh giáo viên đến nhà hiệu bộ nhà đa năng) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chưa thực hiện đầu tư xây dựng bất cứ hạng mục công trình nào tại vị trí đó. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng H xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định tổng giá trị 7 thửa đất: 1.007.301,100 đồng (Một tỷ, không trăm linh bảy triệu, ba trăm linh một nghìn một trăm đồng). Tổng giá trị nhà: 559.315.575 đồng. Về giá trị cây trồng trên đất có giá trị 9.810.000 đồng;

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị P.

2. Chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn H để lại là di sản thừa kế được chia theo pháp luật gồm Quyền sử dụng đất = $1/2$ diện tích của 07 thửa đất được chia cho 03 người(cụ P, bà D, chị Tr). Gồm các loại đất sau:

1. Thửa 09 tờ bản đồ số 41, diện tích hiện trạng $748,2 \text{ m}^2$; Trong đó diện tích đất ở (ONT): $360 \text{ m}^2 : 2 = 180 \text{ m}^2 : 3 = 60 \text{ m}^2 \times 1.500.000 \text{ đ/m}^2$ tương đương giá trị: 90.000.000 đồng;

2. Diện tích đất trồng cây lâu năm (CLN): $388,2 \text{ m}^2$ (thửa 09) + $808,7 \text{ m}^2$ (thửa 202) + $79,2 \text{ m}^2$ (thửa 26) = $1.276,1 \text{ m}^2 : 2 = 638 \text{ m}^2 : 3 = 212,6 \text{ m}^2$ (Trong đó: có $64,7 \text{ m}^2 \times$ giá $750.000 \text{ đ/m}^2 = 48.525.000$ đồng + $147,9 \text{ m}^2 \times$ giá $52.000 \text{ đ/m}^2 = 7.690.800$ đồng) Tương đương giá trị: 56.215.800 đồng;

3. Diện tích đất trồng lúa (LUK): $892,2 \text{ m}^2$ (thửa 276) + $727,9 \text{ m}^2$ (thửa 255) = $1620,1 \text{ m}^2 : 2 = 810 \text{ m}^2 : 3 = 270 \text{ m}^2 \times 65.000 \text{ đ/m}^2$ tương đương giá trị: 17.550.000 đồng;

4. Diện tích đất trồng cây hàng năm (ĐM): $193,8 \text{ m}^2$ (thửa 227) : $2 = 96,9 \text{ m}^2 : 3 = 32,3 \text{ m}^2 \times 56.000 \text{ đ/m}^2$ tương đương giá trị: 1.808.800 đồng;

5. Diện tích đất Rừng sản xuất (RSX): 813 m^2 (thửa 285) : $2 = 406,5 \text{ m}^2 : 3 = 135,5 \text{ m}^2 \times 17.000 \text{ đ/m}^2$ tương đương giá trị: 2.303.500 đồng;

Tổng diện tích các loại đất: $4.263 \text{ m}^2 : 2 = 2.131,5 \text{ m}^2 : 3 = 710,4 \text{ m}^2$

Mỗi người được chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn H để lại là: $710,4 \text{ m}^2$ đất các loại, tương đương giá trị 169.689.204 đồng.

2.1 Chia cho cụ Nguyễn Thị P được quản lý, sử dụng:

+ 60 m^2 Đất ở(ONT) và $64,7 \text{ m}^2$ Đất vườn tạp (cây lâu năm) tại thửa 09 tờ bản đồ số 41 Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo sơ đồ chia đất S2 = diện tích 60 m^2 từ điểm số 2,3,11,12,3; Phía Bắc giáp đất nhà bà D từ điểm 11 đến điểm 12 = 5,27 mét; Phía Đông giáp nhà bà Nhung từ điểm 12 đến điểm 2 = 11,39 mét; Phía Nam giáp thửa số 26 từ điểm số 2 đến điểm số 3 = 5,33 mét; Phía Tây giáp nhà bà D từ điểm số 3 đến điểm số 11 = 11,38 mét.)

+ $79,2 \text{ m}^2$ Đất vườn tạp(cây lâu năm) tại thửa 26 tờ bản đồ số 42 Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo sơ đồ chia đất là thửa 26 vị trí tiếp giáp từ điểm số 2-3-4 và thửa 302)

+ Thửa số 285, tờ bản đồ số 42 diện tích 813 m^2 đất RSX; $813 \text{ m}^2 - 506,5 \text{ m}^2 = 306,5 \text{ m}^2$ đất \times đơn giá $17.000 \text{ đ/m}^2 = 5.210.500$ đồng, cụ P phải có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị đất cho bà Trần Thị D là 5.210.500 đồng.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

2.2 Chia cho chị Trịnh Thị Kiều T được quản lý, sử dụng:

+ 60 m^2 Đất ở(ONT) và $64,7 \text{ m}^2$ Đất vườn tạp(cây lâu năm) tại thửa 09 tờ bản đồ số 41 Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo sơ đồ chia đất S1 = diện tích 124 m^2 từ điểm số 7,8,14,13,6 đến điểm số 7; Phía Bắc giáp đồi từ điểm 7 đến điểm 14 = 21,22 mét; Phía Đông giáp nhà bà D từ điểm

14 đến điểm 13 = 16,08 mét; Phía Nam giáp đường từ điểm số 7 đến điểm số 13 = 14,95 mét)

+ Thừa số 255, tờ bản đồ số 41 diện tích 727,9 m² đất(LUC); $727,9 \text{ m}^2 - 585,3 \text{ m}^2 = 142,6 \text{ m}^2 \times \text{đơn giá } 65.000\text{đ}/\text{m}^2 = 9.269.000 \text{ đồng}$. Chị Tr phải có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị đất cho bà Trần Thị D là 9.269.000 đồng.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

2.3 Bà Trần Thị D được quản lý, sử dụng các thửa đất là tài sản chung với ông H và được chia phần di sản thừa kế của ông H gồm:

+ 240 m² Đất ở(ONT) và 258,8 m² Đất vườn tạp(cây lâu năm) tại thửa 09 tờ bản đồ số 41 Xóm Na L, xã Hóa T, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo sơ đồ chia đất từ điểm số 1,12,11,3,4,5,14,9,10,1; Phía Bắc giáp thửa 228, 204; Phía Đông giáp đất bà Nhung và cụ P từ điểm 1- 12 -11-3-4; Phía Nam giáp đường giao thông từ điểm số 4 đến điểm số 5; Phía Tây giáp đất chị Tr từ điểm số 5 đến điểm số 14.)

+ Thửa đất số 202, tờ bản đồ địa chính số 35 xã Hóa T huyện Đồng Hỷ có diện tích đất theo hiện trạng là 808,7 m² loại đất cây lâu năm

+ Thửa đất số 227 tờ bản đồ địa chính số 40 xã Hóa T huyện Đồng Hỷ có diện tích đất theo hiện trạng là 193,8 m² loại đất BHK(đất hàng năm khác)

+Thửa đất số 276 tờ bản đồ địa chính số 40 xã Hóa T huyện Đồng Hỷ có diện tích đất theo hiện trạng là 892,2 m² loại đất LUK(đất trồng lúa nước)

Tổng diện tích các loại đất bà D được quản lý, sử dụng: 2.393,2 m² đất.

(Có sơ đồ hiện trạng các thửa đất kèm theo)

* Bà Trần Thị D được hưởng 9.269.000 đồng giá trị đất tương đương 142,6 m² của thửa số 255, tờ bản đồ số 41 do chị Trịnh Thị Kiều T trích chia.

Và được hưởng 5.210.500 đồng giá trị đất tương đương 306,5 m² của thửa số 285, tờ bản đồ số 42 do cụ Nguyễn Thị P trích chia.

2.4 Về Tài sản trên đất: Trên thửa đất số 09 tờ bản đồ số 41có: 02 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ cụ P không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Về cây trồng trên thửa đất số 9 tờ bản đồ 41:

Trên phần đất chia cho cụ P có 03 cây mít to x 350.000 đồng = 1.050.000 đồng; 02 cây nhãn(01 cây: 750.000 đồng+ 01 cây 270.000 đồng) = 1.020.000 đồng; 01 cây vải x 1.500.000 đồng = 1.500.000 đồng; 02 cây na x500.000đồng/cây = 1.000.000 đồng; 01 cây ổi x 350.000 đồng = 350.000 đồng

Tổng giá trị cây trên phần đất cụ P được hưởng tại thửa 09 tờ bản đồ số 41có giá trị 4.920.000 đồng.

Cụ P phải trích chia giá trị chênh lệch tiền cây cho bà D và chị Tr mỗi người 1.642.500 đồng.

3. Cụ Nguyễn Thị P, bà Trần Thị D, chị Trịnh Thị Kiều T có trách nhiệm liên hệ với Phòng Tài Nguyên Môi trường, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đồng H; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan có thẩm

quyền để được hướng dẫn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ chậm thi hành án, buộc các đương sự phải án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 07/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng H có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT- VKS-DS đối với bản án số 14/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng H với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc cụ P phải trích chia giá trị chênh lệch tiền cây cho bà D và chị Tr mỗi người 1.642.500 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ P có đơn xin miễn án phí, bản án quyết định cụ P phải nộp án phí là vi phạm Điều 2 Luật người cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên bổ sung kháng nghị. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do chưa thu thập chứng cứ đầy đủ và vi phạm thủ tục tố tụng.

Ngày 05/10/2021 bà Trần Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày các căn cứ kháng cáo: Bà D cho rằng, khi ông H chết năm 1997 không để lại di chúc. Năm 2010 bà và cụ P là mẹ đẻ của anh Hùng đã lên UBND xã Hóa T để làm thủ tục thừa kế tài sản của anh Hùng sang tên cho bà D, có mặt cụ P và đại diện chính quyền xã, có văn bản phân chia tài sản thừa kế bà đã nộp cùng giấy chứng nhận QSD đất mang tên anh Trịnh Văn H cho chị Yến cán bộ UBND xã Hóa T và cụ P còn yêu cầu bà viết bản cam kết có nội dung “Phần đất được bà được thừa kế bà cho cháu Trịnh Thu Trang, không được bán, trao đổi, chuyển nhượng cho ai.. cháu Tr có trách nhiệm hương khói, thờ phụng bố và anh trai.” Ý kiến này có xác nhận của UBND xã Hóa T huyện Đồng H tỉnh Thái Nguyên ngày 12/3/2010. Bà D không nhất trí chia thừa kế cho cụ P. Hơn nữa, trong số những thửa đất ruộng do hợp tác xã chia theo nhân khẩu, lao động chính được 2 sào 2 thước, trẻ em mỗi trẻ được 10 thước, bà là người đang sử dụng.

Bà D cho rằng, trong các thửa đất của bà và ông H, có thửa đất 285 tờ bản đồ số 42 hiện nay bà đang có tranh chấp với Trường tiểu học và THCS Hóa T về ranh giới nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, bà D xác định tranh chấp này bà chưa làm đơn khởi kiện ra tòa và trong sơ đồ hiện trạng đo vẽ xác định các mốc giới, diện tích của các thửa đất không đúng với diện tích đất thực tế và hồ sơ cấp đất của gia đình bà đang sử dụng. Trong quá trình sử dụng diện tích đất nêu trên, bà còn phải san lấp đất từ phía sau đồi ra phía trước để có mặt bằng đất làm nhà ở và trồng một số loại cây ăn quả sau khi ông H chết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn cũng xác định: phần diện tích đất của cụ P chia theo bản trích đo hiện trạng đối với thửa đất số 09 tờ bản đồ số 41 trong đó có 17 m² là của thửa bên cạnh của cụ P đã đổi cho ông H và bà D để cho đất ông H và bà D được thẳng, năm 2012 cụ P cấp lại bìa đồ không biết đã được trừ đi chưa. Các thửa đất khác Tòa án sơ thẩm giao cho cụ P anh xác định đúng như hiện trạng sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà D làm trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo, là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định:

Về quan hệ huyết thống: Ông Trịnh Văn H (đã chết năm 1997) là con đẻ của cụ Nguyễn Thị P và cụ Trịnh Xuân Đ1 (cụ Đ1 chết năm 1991). Ông H là chồng của bà Trần Thị D và có hai người con chung là Trịnh Văn Kh1 (chết năm 2009, không có vợ con) và Trịnh Thị Kiều T; Ông H không có bố mẹ nuôi, con nuôi, con riêng, không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào.

[2.2] Về hàng thừa kế thứ nhất của ông H tại thời điểm mở thừa kế gồm: 03 (ba) người là: Cụ Nguyễn Thị P (mẹ đẻ), bà Trần Thị D (vợ), chị Trịnh Thị Kiều T (con).

[2.3] Về di sản thừa kế: Căn cứ Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ 1. Khi một bên vợ hoặc chồng chết thì bên còn sống quản lý tài sản chung vợ chồng.

2. Khi có yêu cầu chia di sản thì tài sản chung vợ chồng được chia đôi. Phần tài sản của vợ hoặc chồng chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế..

Như vậy, Di sản thừa kế của ông H để lại bằng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của ông H và bà D được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà D đều xác định: Khi ông H còn sống, Năm 1994 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 04 thửa đất (trích lục theo bản đồ địa chính), đó là các thửa:

Thửa số 09, tờ bản đồ số 41 có diện tích 877m² (loại đất ONT+ CNL);

Thửa 8a nay là thửa 276, tờ bản đồ số 16; có diện tích 935m² đất LUK.

Thửa 160 cũ nay là thửa 227 tờ bản đồ số 40; có diện tích 199,0m². Đất BHK

Thửa 4c cũ nay là thửa 255 tờ bản đồ số 41; có diện tích 740m². Đất LUC

03 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo bản đồ địa chính gồm:

+ Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 35, diện tích 463m² đất CLN;

+ Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 42, diện tích 943m² đất RSX;

+ Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 42, diện tích 157m² đất ONT

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ (đo bằng máy) đối với 07 thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, kết quả đo hiện trạng về vị trí, diện tích các thửa đất không đúng như diện tích, sơ đồ thửa đất được thể hiện theo bản đồ địa chính mà ông

Trịnh Văn H đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 04 thửa đất nêu trên và 03 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc tăng, giảm về diện tích đất ông H được cấp và sử dụng so với hiện trạng do nguyên nhân nào (phần diện tích đất tăng đối với thửa 202; giảm tại các thửa 09; 276; 227; 255; 26; 285).

Cụ thể: Thửa đất số 09 tờ bản đồ số 41, theo bản đồ địa chính có diện tích 877m² tại bản trích đo hiện trạng sử dụng có 748,2m². Trên bản trích đo hiện trạng có thể hiện 297,6m² là phần đất nằm trong thửa số 09 cấp sơ thẩm chưa xem xét ai là người đang sử dụng phần diện tích đất này và có trong giấy chứng nhận QSD đất của ông H không? từ đó làm căn cứ xác định di sản thừa kế của ông H để lại? Trên bản đồ nêu trên còn thể hiện có 17m² đất (phần giáp với thửa 26 và thửa liền kề 199) không thuộc thửa đất số 09, cấp sơ thẩm xác định 17m² đó do gia đình ông H và bà D sử dụng nên đã tính để chia cho các hàng thừa kế là chưa đảm bảo đúng quy định. Cần xác minh làm rõ, có việc mua bán, tặng cho, đổi của chủ sử dụng đối với thửa đất liền kề đối với 17m² đất thể hiện tại bản trích đo hiện trạng hay không? đối với 06 thửa đất còn lại gồm các thửa 202; 276; 227; 255; 26, 285 cần phải làm rõ như phân tích nêu trên. Lấy ý kiến của các chủ hộ giáp ranh để xác định có việc tranh chấp đối với phần diện tích đất tăng lên tại thửa 202? Nếu có căn cứ xác định gia đình bà D đang sử dụng sang thửa đất liền kề thì cần đưa những người có đất liền kề vào tham gia tố tụng để làm rõ.

Cấp sơ thẩm chưa xác minh rõ công sức tôn tạo, duy trì tài sản của bà D và nguồn gốc tài sản được hình thành trên các thửa đất của ông H và bà D vào thời điểm nào để xác định chính xác di sản của ông H và tài sản của bà D được tạo lập sau khi ông H chết năm 1997. Cần phải làm rõ nội dung nêu trên.

Do cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, chưa xem xét hết di sản thừa kế tại thửa 09, chia thừa kế cả phần diện tích đất của hộ liền kề mà không đưa nhưng người đó vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhận dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên và kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Hủy bản án sơ thẩm số 14/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên để giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết theo thẩm quyền.

Về án phí bà D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng H tỉnh Thái Nguyên, kháng nghị bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DSST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên giải quyết lại vụ án theo thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà Trần Thị D không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005154 ngày 05/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng H;
- THADS huyện Đồng H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương